

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-3-2019.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Kim Tân.**

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **593/2018/TLST-HNGĐ** ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **07/2019/QĐST-HNGĐ** ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Ngô Thị H** - Sn: 1983. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 5, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Dân tộc: Kinh.

*** Bị đơn:** Anh **Bùi Đức L** - Sn: 1978. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Quân nhân.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Bùi Đức L đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy, vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh Bùi Đức L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 người con tên Bùi Thị Hà A, sinh ngày 04-10-2009 và Bùi Thị B, sinh ngày 01-11-2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực

tiếp nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Đức L trình bày:
Anh thống nhất lời trình bày của chị H về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản và nợ giữa anh và chị H. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung tên Bùi Thị Hà A và Bùi Thị B cho chị Huệ trực tiếp nuôi dưỡng; anh chấp nhận cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng, vì hiện nay thu nhập của anh chỉ khoảng 2.400.000 đồng/tháng, trừ các khoản chi phí sinh hoạt thì không đủ khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 56, Quyền số 01/2009 ngày 09-10-2009, của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, cấp cho anh L – chị H đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Bùi Đức L và chị Ngô Thị H là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm, anh đã cố gắng níu kéo nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn, nên anh đồng ý ly hôn. Anh chị đã được Tòa án hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chứng tỏ, hôn nhân của chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh L thống nhất có 02 người con chung tên Bùi Thị Hà A, sinh ngày 04-10-2009 và Bùi Thị B, sinh ngày 01-11-2012, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian qua, chị H chăm sóc con đảm bảo, sự thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

Chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng anh L chỉ chấp nhận cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp với điều kiện sinh hoạt tại địa phương, nhu cầu thiết yếu của các con anh chị nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản:* Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị H và anh L trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí*: Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Bùi Đức L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Bùi Đức L.

2. Về con chung: Giao 02 người con tên Bùi Thị Hà A, sinh ngày 04-10-2009 và Bùi Thị B, sinh ngày 01-11-2012 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị H và anh L có yêu cầu khác.

Buộc anh Bùi Đức L cấp dưỡng nuôi con cho chị Huệ mỗi tháng **2.000.000 (Hai triệu)** đồng, cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị H và anh L có yêu cầu khác.

Anh L được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Ngô Thị H (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*), anh Bùi Đức L phải chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Ngô Thị H nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị H nộp theo Biên lai thu tiền số: **003457** ngày **12-12-2018**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

Buộc anh Bùi Đức L nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã NH, H.NĐ, T.Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng